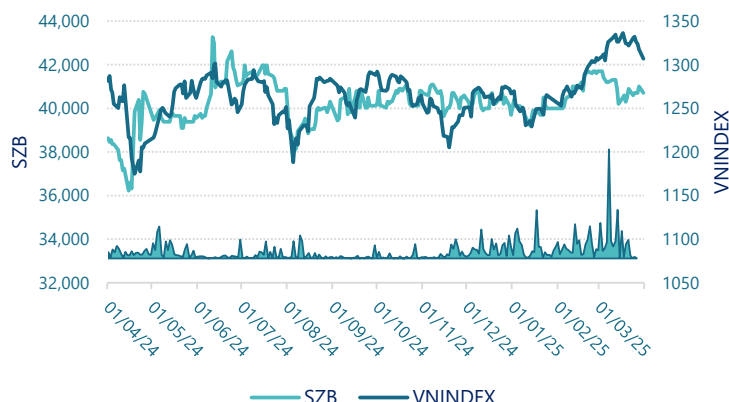


CTCP Sonadezi Long Bình (HNX: SZB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,266
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,225
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,400
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,221
P/E	9.8
EPS	4,142

DT thuần

Q1/25

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.0 | -13.2%

YoY: ▼101 | -50.2%

LN sau thuế

Q1/25

32.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.30 | 39.4%

YoY: ▼72.1 | -68.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

46.7%

+/- YoY: ▲ 9.0%

DT thuần

2024

527

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 144 | 37.7%

LN sau thuế

2024

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 81.0 | 69.0%

ROE

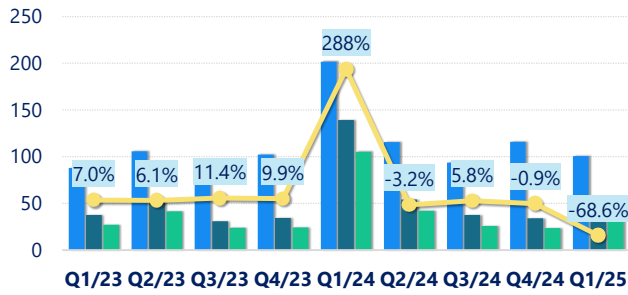
2024

31.0%

+/- YoY: ▲ 11.0%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

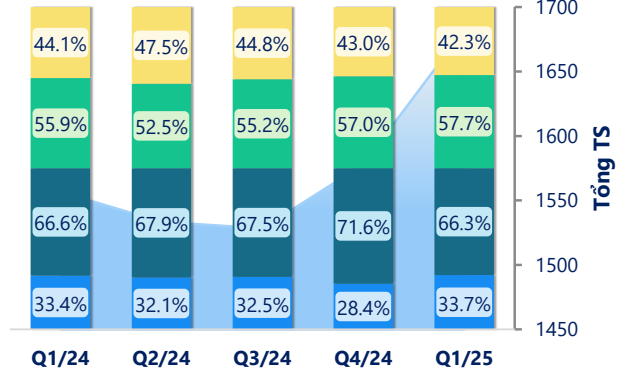


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

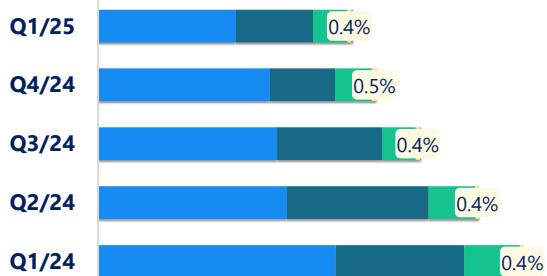
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

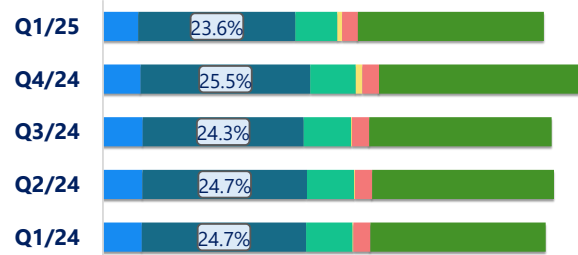
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

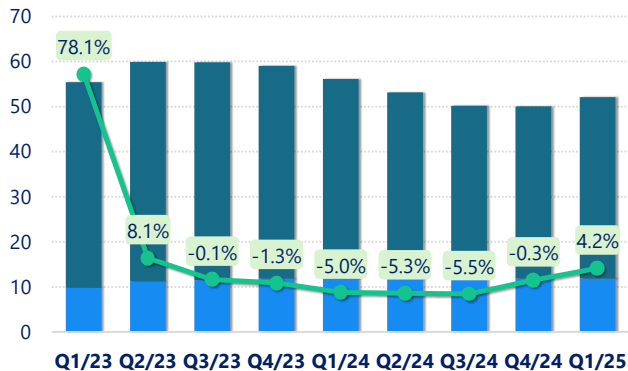


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

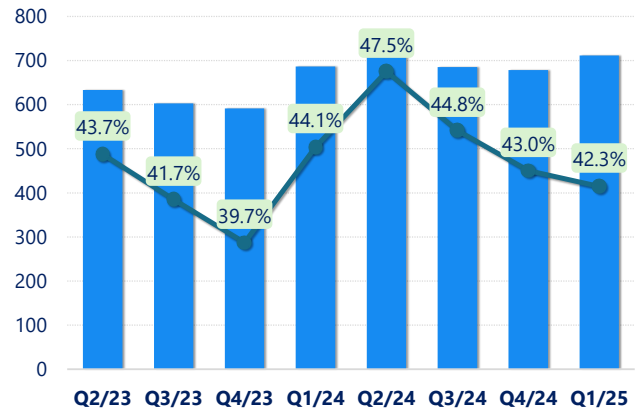


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

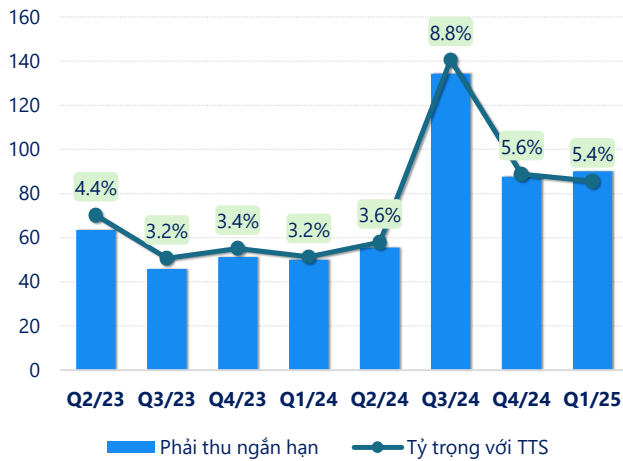
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

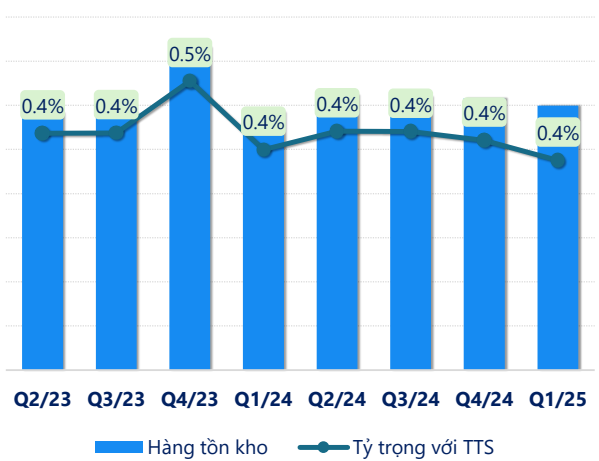
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


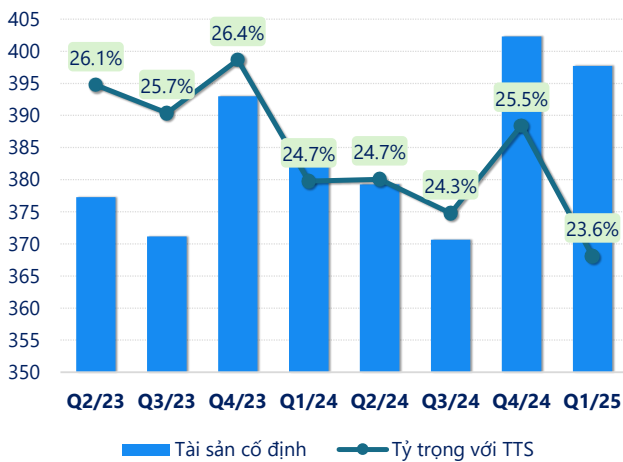
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


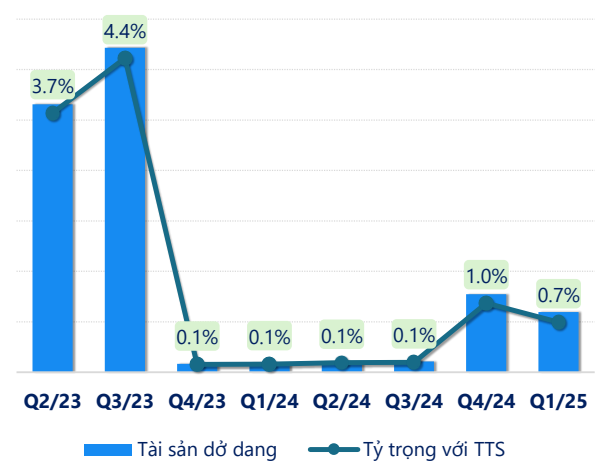
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

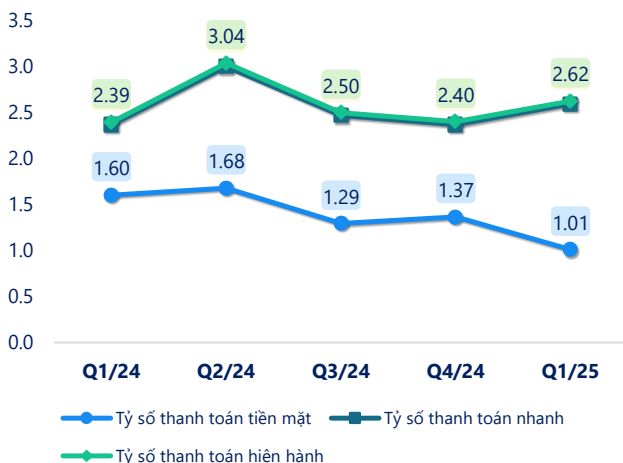
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

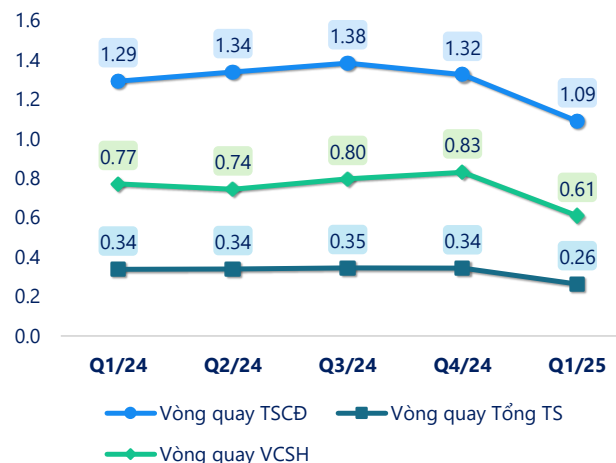
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,557	1,533	1,528	1,578	1,682
Tài sản ngắn hạn	520	493	497	448	567
Tiền và tương đương tiền	348	272	257	255	218
Đầu tư tài chính ngắn hạn	113	159	98.5	93.5	253
Phải thu ngắn hạn	50.0	55.5	134	87.7	90.0
Hàng tồn kho	5.84	6.23	6.19	6.16	5.99
Tài sản ngắn hạn khác	3.00	0.39	0.68	5.72	0
Tài sản dài hạn	1,037	1,041	1,032	1,130	1,116
Phải thu dài hạn	91.2	91.2	91.2	89.6	89.6
Tài sản cố định	385	379	371	402	398
Bất động sản đầu tư	109	109	108	108	106
Tài sản dở dang	1.81	2.08	2.16	15.5	11.9
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	40.0	40.0	40.0
Tài sản dài hạn khác	411	419	419	474	470
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	870	805	843	899	971
Nợ ngắn hạn	217	162	199	187	216
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.8	11.8	11.8	11.8	11.8
Phải trả người bán ngắn hạn	6.00	15.2	9.95	52.3	15.0
Nợ dài hạn	653	643	644	713	755
Vay và nợ thuê dài hạn	44.3	41.4	38.4	38.2	40.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	686	728	685	679	712
Vốn chủ sở hữu	686	728	685	679	712
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)